

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yên Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Vào năm 2004 được sự đồng ý của hai bên gia đình bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 người con nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không còn tin tưởng thường xuyên gây áp lực cho nhau, không tôn trọng nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn. Bà nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Chí N1 (nam), sinh ngày 27/02/2008 và Nguyễn Trà M (nữ), sinh ngày 10/6/2019. Hiện đang sống chung với

bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 18 tháng 12 năm 2024, bà Trịnh Thị N trình bày tại đơn khởi kiện xin ly hôn thì ông Nguyễn Văn C đang nuôi cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 10/6/2019. Nhưng hiện nay ông C không trực tiếp nuôi nữa mà đã giao cho bà nuôi. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Chí N1 (nam), sinh ngày 27/02/2008 và Nguyễn Trà M (nữ), sinh ngày 10/6/2019, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn C đúng theo quy định pháp luật nhưng ông C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Người con chung tên Nguyễn Chí N2 trình bày nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Trịnh Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24-10-2024 bà Trịnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa bà N và ông C là không hợp pháp.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông C do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng ông C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông C cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Do bà N và ông C không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định Tòa án không công nhận bà N và ông C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đối với 02 người con chung tên Nguyễn Chí N1 (nam), sinh ngày 27/02/2008 và Nguyễn Trà M (nữ), sinh ngày 10/6/2019. Hiện đang sống chung với bà N, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N. Mặt khác hai người con chung hiện đang sống với bà N, người con chung tên Nguyễn Chí N2 có nguyện vọng được tiếp tục sống

chung với bà N. Do đó để đảm bảo điều kiện sống bình thường và ổn định của người con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Chí N1 (nam), sinh ngày 27/02/2008 và Nguyễn Trà M (nữ), sinh ngày 10/6/2019 cho bà Trịnh Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục. Ông Nguyễn Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 01-10-2024 bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006694 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa